

Bản án số: 238/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11 – 11 - 2019

V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 492/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 487/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Thanh T, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp TĐ B, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp TĐ B, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Phan Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà Phạm Thị T chung sống với nhau vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm. Gia đình có hòa giải hàn gắn nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2018. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Phan Diệu A, sinh năm 1996 và Phan Thúy N, sinh ngày 17/01/2004. Khi ly hôn, Diệu A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Diệu N có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 01/11/2019, bà Phạm Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T đồng ý ly hôn với ông T.

- Về con chung: Khi Ly hôn Phan Diệu A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Phan Thúy N có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Phan Thanh T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung với bà Phạm Thị T là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 01/11/2019, ông T và bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, bà T.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 1996, ông T và bà T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống, ông T và bà T có 02 người con chung, khi ly hôn Diệu A đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với Thúy N: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu Thúy N đã hơn 15 tuổi, khi ly hôn ông T, bà T yêu cầu cháu có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi,

cấp dưỡng không đặt ra. Xét thấy: Theo biên bản ghi nguyện vọng cháu Thúy N ngày 01/11/2019 thể hiện “Nếu cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống chung với cha”. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Thúy N cho ông Toàn nuôi dưỡng.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Ông T, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phan Thanh T với bà Phạm Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thúy N, sinh ngày 17/01/2004 cho ông Phan Thanh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Phạm Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Ông Phan Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009939 ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; ông Phan Thanh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh